

Số: /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Công nghiệp công nghệ số

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xây dựng dự án Luật Công nghiệp công nghệ số. Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo Chính phủ về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc hoàn thiện, xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số trong nước. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện thể chế về công nghiệp công nghệ số. Cụ thể như sau:

(i) Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định:

- Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng... Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về..., bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có

liên quan.

- *Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: ...; công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).*

- *Chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; tăng cường chính sách đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, chính sách mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng hàng hóa trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa.*

- *Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách thí điểm, đặc thù cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số.*

Kế hoạch số 13-KH/TW của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy nhanh việc thể chế hoá, cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; *tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số,...*”.

(ii) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ giải pháp:

- *Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội; Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 4G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế.*

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: *công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông*, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, *công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số*, công nghiệp an toàn thông tin; Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, ... viễn thông và công nghệ thông tin, ...

- Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; *tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số*; nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung *phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số...*

(iii) Tại khoản 3 mục III Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định:

- Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: *Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông ...*; Ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, *trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, ...*

- Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; *sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.*

(iv) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định quan điểm, giải pháp, nhiệm vụ:

- Phát triển *công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo*; Đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, *phát triển sản xuất các sản phẩm, thiết bị thông minh.*

- Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: *Công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ*

tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác; Giai đoạn 2030-2045, tập trung ưu tiên phát triển các thể hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông.

- Phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông, nhất là *hạ tầng kết nối số (4G, 5G)* bảo đảm an toàn, đồng bộ đáp ứng yêu cầu *Internet kết nối con người và kết nối vạn vật*.

(v) Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại nền kinh tế là cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, trong đó có giải pháp “*Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số*”.

(vi) Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định: *Chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung quy mô lớn, hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo.*

(vii) Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ (về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng), Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ (về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025), Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025: Trong đó có giao Bộ Thông tin và Truyền thông *xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số*.

Theo đó, Luật Công nghiệp công nghệ số cần được nghiên cứu, xây dựng để kịp thời bổ sung, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo thuận lợi, khuyến khích đủ mạnh để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp nền tảng, góp phần đẩy mạnh

công nghiệp, hiện đại hóa đất nước.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Giải quyết tồn tại, bất cập trong thi hành quy định về công nghiệp công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin; đề xuất chính sách đột phá nhằm thúc đẩy phát triển đồng thời hạn chế những rủi ro nếu có trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số

Quy định pháp luật về công nghiệp CNTT được ban hành hơn 17 năm qua, tại thời điểm ngành CNTT mới bắt đầu phát triển tại Việt Nam. Những quy định này chưa điều chỉnh được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn phát triển ngành công nghiệp CNTT, cụ thể:

- Chưa có khung pháp lý định hình khái niệm công nghệ số, công nghiệp công nghệ số. Công nghệ số đã cách mạng hóa hầu hết mọi khía cạnh trong cuộc sống, thay đổi cách chúng ta giao tiếp, làm việc, học tập, giải trí và truy cập thông tin. Công nghệ số giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và toàn cầu hóa, đồng thời cũng phát sinh những thách thức như khoảng cách số, mối lo ngại về quyền riêng tư và các mối đe dọa an ninh mạng. Công nghệ số là sự phát triển tiếp theo của CNTT, có thể xem là CNTT cộng thêm 6 công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (5G, IoT, AI, Big Data, Cloud, Blockchain). Đây là các công nghệ mới mang tính đột phá, tác nhân chính tạo ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tạo ra Chuyển đổi số và kinh tế số, xuất hiện trong thời điểm mà Việt Nam đã độc lập, hoà bình, đã thoát nghèo, nên có điều kiện chủ động tham gia, tận dụng để bứt phá vươn lên.

- Dân số Việt Nam gần 100 triệu người, đứng thứ 15 thế giới, là thị trường lớn để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định biện pháp đột phá để phát triển thị trường trong nước cho doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ số vừa và nhỏ.

- Dữ liệu số là tư liệu sản xuất đầu vào của ngành công nghiệp công nghệ số, góp phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số... Tuy nhiên, còn khoảng trống các quy định pháp luật về phát triển dữ liệu số phục vụ hoạt động công nghiệp công nghệ số.

- Một lĩnh vực đặc thù đang có sự phát triển mạnh mẽ thời gian qua là vi mạch bán dẫn. Vi mạch bán dẫn là một sản phẩm phần cứng điện tử, thuộc ngành

công nghiệp công nghệ số, là hạt nhân của các công nghệ số của tương lai như AI, 5G/6G, ứng dụng trong nhiều sản phẩm kỹ thuật số như điện thoại thông minh, ô tô. Nhu cầu về vi mạch bán dẫn dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong một thập kỷ tới. Các quốc gia lớn trên thế giới và khu vực đều có chính sách riêng cho ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn, phù hợp với đặc thù và vị trí quốc gia đó trong chuỗi giá trị vi mạch toàn cầu. Do đó, Việt Nam cũng cần có quy định riêng để thúc đẩy lĩnh vực quan trọng này.

2.2. Tạo hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số thành một ngành kinh tế có đóng góp lớn cho kinh tế đất nước

Ngành công nghiệp công nghệ số nước ta là một trong những ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh trong nền kinh tế, với tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm gấp 2 lần tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước; tỷ lệ đóng góp vào GDP đạt từ 6-6,5%, doanh thu năm 2022 ước đạt 148 tỷ USD, tăng trưởng 8,7% so với năm 2021; là lĩnh vực có thế mạnh xuất khẩu, phù hợp với năng lực, đặc thù của Việt Nam.

2.3. Chuyển dịch các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam chủ yếu từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, tích hợp, sản xuất và làm chủ công nghệ lõi

Trong xu thế tất yếu của chuyển đổi số, việc tạo hành lang pháp lý để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang thiết kế, sản xuất các sản phẩm công nghệ số, nền tảng số để phục vụ chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số là cần thiết nhằm bảo đảm chủ quyền số quốc gia.

2.4. Tạo thị trường cho công nghiệp công nghệ số và thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước

Dân số Việt Nam gần 100 triệu người, đứng thứ 15 thế giới, là thị trường lớn để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định biện pháp đột phá để phát triển thị trường trong nước cho doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ số vừa và nhỏ. Để công nghiệp công nghệ số phát triển nhanh đi đôi với phát triển bền vững, cần có chính sách thúc đẩy doanh nghiệp phát triển các sản phẩm công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định xác định và chính sách thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghệ số thiết

kế và sản xuất trong nước.

Để thể chế hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp công nghệ số; khắc phục những tồn tại, hạn chế cũng như tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện các cơ chế chính sách vượt trội, đột phá; huy động mọi nguồn lực phát triển hiệu quả tiềm năng phát triển ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số - xã hội số tại Việt Nam; phấn đấu đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia công nghiệp công nghệ số phát triển thì việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành ngành kinh tế đóng góp lớn vào kinh tế đất nước; Việt Nam trở thành môi trường thuận lợi nhất để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số với trọng tâm là các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, sản xuất tại Việt Nam; góp phần xây dựng chính phủ số, động lực phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Khẳng định giá trị pháp lý của công nghiệp công nghệ số; hình thành các quy định, chính sách để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số. Thay thế các nội dung về công nghiệp CNTT và dịch vụ CNTT trong Luật Công nghệ thông tin bằng các nội dung của Luật Công nghiệp công nghệ số.

- Thúc đẩy thông minh hóa các ngành công nghiệp qua việc đưa công nghệ số thâm nhập, hội tụ vào các ngành, lĩnh vực thay đổi phương thức làm việc, mang lại các giá trị mới, tạo ra cuộc cách mạng về thông minh hoá.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; khắc phục các hạn chế, bất cập hiện nay; mặt khác cần quy định cụ thể, tạo hành lang pháp lý rõ ràng để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

Hai là, Luật Công nghiệp công nghệ số sẽ được xây dựng trên cơ sở kế thừa

có chọn lọc các quy định còn phù hợp của Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành về công nghiệp CNTT, đồng thời có sửa đổi, bổ sung các nội dung mới trên cơ sở tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm quốc tế để vận dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển của công nghiệp 4.0 và kinh tế số nói riêng.

Ba là, Luật Công nghiệp công nghệ số không làm thay đổi về trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành trong các lĩnh vực. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số khi ứng dụng trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành nào thì bộ, ngành đó chịu trách nhiệm quản lý đúng theo lĩnh vực đó.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về công nghiệp công nghệ số, bao gồm: hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; bảo đảm, thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công nghiệp công nghệ số. Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho mục đích quốc phòng, an ninh, cơ yếu.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội và Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các công việc theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học.
2. Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Công nghệ thông

tin về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và nghiên cứu, tham khảo pháp luật, chính sách về công nghệ số, công nghệ thông tin của một số quốc gia, vùng lãnh thổ.

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia về các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án Luật; các hoạt động khảo sát trong và ngoài nước, ...

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự án Luật: đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến đóng góp ý đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

5. Ngày/.../2024, Hội đồng thẩm định đã tiến hành thẩm định dự án Luật và cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Với phạm vi điều chỉnh như trên, bố cục của dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số gồm 06 chương, 90 điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 06 điều: từ Điều 1 đến Điều 6);

Chương II. Hoạt động công nghiệp công nghệ số và sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (gồm 07 điều: từ Điều 7 đến Điều 13);

Chương III. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số (gồm 14 mục, 45 điều: từ Điều 14 đến Điều 58);

Chương IV. Thúc đẩy, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (gồm 05 mục, 27 điều: từ Điều 59 đến Điều 85);

Chương V. Quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số (gồm 02 điều: Điều 86 và Điều 87);

Chương VI. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều: từ Điều 88 đến Điều 90).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

2.1. Những quy định chung

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số; bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số. Trong đó:

- Phạm vi điều chỉnh của Luật là quy định về công nghiệp công nghệ số, bao gồm: hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; bảo đảm, thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công nghiệp công nghệ số. Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho mục đích quốc phòng, an ninh, cơ yếu .

- Định nghĩa các từ, cụm từ được sử dụng trong Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm đảm bảo cách hiểu thống nhất, chẳng hạn như: công nghệ số, công nghiệp công nghệ số, sản phẩm công nghệ số, ... Đây là nội dung rất quan trọng để xác định nội hàm, phạm vi của Luật Công nghiệp công nghệ số. Cụ thể, trong dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số dự kiến định nghĩa như sau:

“Công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin và các công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tại ảo/thực tại tăng cường để số hoá thế giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong tất cả lĩnh vực”.

“Công nghiệp công nghệ số là công nghiệp nền tảng , là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghệ số có giá trị gia tăng cao, tác động tới nhiều ngành, lĩnh vực”.

- Để đảm bảo ứng dụng và phát triển công nghệ số hiệu quả, an toàn, dự thảo Luật có quy định về việc bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số và các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

2.2. Hoạt động công nghiệp công nghệ số

Chương này quy định về loại hình hoạt động công nghiệp công nghệ số; tài sản số; sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước; sản phẩm, dịch vụ công nghệ

số trọng điểm; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu. Trong đó:

- Về loại hình hoạt động công nghiệp công nghệ số: bao gồm hoạt động công nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số và hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số. Đây là quy định được xây dựng dựa trên loại hình tham khảo kinh nghiệm quốc tế (Phân loại công nghiệp tiêu chuẩn quốc tế 2008 của Liên Hợp quốc¹; Tiêu chuẩn phân loại công nghiệp toàn cầu 2018²) và kế thừa phân loại ngành công nghiệp CNTT và dịch vụ CNTT trong Luật Công nghệ thông tin năm 2006. Cách phân loại ngành công nghiệp công nghệ số như trên phù hợp với thực tiễn hiện nay là hướng đến điều chỉnh hành vi, hoạt động của ngành công nghiệp (sản xuất, dịch vụ) thay cho việc điều chỉnh các sản phẩm, dịch vụ cụ thể.

- Quy định về tài sản số: đây là nội dung mới trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp, Bộ TTTT đã đề xuất đưa ra khái niệm tài sản số với nội hàm là một loại sản phẩm công nghệ số và dự kiến giao một số bộ, ngành liên quan xây dựng hoặc xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định quản lý liên quan đến tài sản số trong ngành, lĩnh vực của mình phụ trách.

- Quy định khái niệm sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu và giao trách nhiệm theo thẩm quyền cho Chính phủ và các bộ, ngành quy định chi tiết về tiêu chí và các quy định liên quan.

2.3. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số

Chương này quy định về xây dựng và thực hiện kế hoạch thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số; quản lý, kinh doanh, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; thông minh hoá các ngành lĩnh vực bằng công nghệ số; thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số; nguồn nhân lực công nghệ số; hợp tác quốc tế trong công nghiệp công nghệ số; khu công nghệ số tập trung; phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số; thông tin về công nghiệp công nghệ số; ủy ban thúc đẩy công nghiệp công nghệ số quốc gia. Trong đó:

- Về xây dựng và thực hiện kế hoạch thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số, dự kiến gồm các nội dung: Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số; phát triển thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam; phát

¹ International Standard Industrial Classification of All Economic Activities (ISIC), Revision 4 (2008).

² Global Industry Classification Standard (2018).

triển thị trường nước ngoài; phát triển thị trường trong nước; đầu tư, mua sắm và lựa chọn nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Trong đó, chính sách nổi bật là:

“Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí khi tổ chức, doanh nghiệp tham gia, thụ hưởng các hoạt động nêu trên, mức hỗ trợ tối thiểu 30% và tối đa không quá 80% tổng chi phí.”

“Hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ số mà trong đó có tối thiểu 30% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu, dịch vụ sản xuất trong nước để sản xuất ra sản phẩm và tối thiểu 30% giá thành sản phẩm được tạo ra bởi các doanh nghiệp Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian mười lăm năm.”

- Về hỗ trợ Doanh nghiệp công nghệ số, dự kiến gồm các nội dung: chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; các ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số; các chính sách tín dụng cho doanh nghiệp công nghệ số và nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số. Trong đó, chính sách nổi bật:

“Doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số được vay tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư; được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án.”

“Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số có sử dụng đất thuộc trường hợp được hỗ trợ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đầu tư ở mức cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai.”

“Chính sách ưu đãi đối với các dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn: được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt về thuế thu nhập doanh nghiệp và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán; miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05

năm đối với thu nhập từ lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các dự án; được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại; được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án, miễn trừ áp dụng điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.”

- Về quản lý, kinh doanh, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số, dự kiến gồm các nội dung: khái niệm và phân loại dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; quản lý về dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; đảm bảo tiếp cận, chuyển giao dữ liệu số; đảm bảo an toàn dữ liệu số; quy trình phi cá nhân hóa dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; bảo đảm chất lượng dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; quy định thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu số xuyên biên giới. Trong đó xác định dữ liệu số là nguồn nguyên liệu quan trọng của ngành công nghiệp công nghệ số do đó cần đảm bảo chất lượng, an toàn dữ liệu số và tạo nguồn dữ liệu số phong phú cho ngành công nghiệp công nghệ số thông qua chính sách, quy định về phi cá nhân hóa dữ liệu.

- Về thông minh hoá các ngành lĩnh vực thông qua hội tụ công nghệ số, dự kiến gồm các nội dung: đưa ra khái niệm, nội hàm và các chính sách thúc đẩy thông minh hoá các ngành, lĩnh vực như sản xuất thông minh; nông nghiệp thông minh; giao thông thông minh; y tế thông minh; giáo dục thông minh; năng lượng thông minh; đô thị thông minh và thông minh hóa ngành, lĩnh vực khác. Trong đó, các quy định nổi bật gồm: Bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực của mình chịu trách nhiệm xây dựng chương trình 05 năm và kế hoạch hành động hằng năm thực hiện thông minh hóa mỗi ngành, lĩnh vực; Chính phủ bố trí kinh phí và đánh giá mức độ triển khai thông minh hóa các ngành lĩnh vực.

- Về thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số, dự kiến gồm nội dung: thúc đẩy tiêu chuẩn hóa trong hoạt động công nghiệp công nghệ số; nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Về nguồn nhân lực công nghệ số, dự kiến gồm các nội dung: phát triển nguồn nhân lực công nghệ số; phát triển cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ số; thu hút nhân lực công nghệ số chất lượng cao; khung năng lực số; chuẩn kỹ năng cho nhân lực công nghệ số chuyên nghiệp; đào tạo công nghệ số trên môi trường điện tử. Trong đó, nổi bật là chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên

gia nước ngoài và thu hút nhân tài hàng đầu thế giới trong lĩnh vực; khung năng lực số giúp người dân tham gia chủ động và an toàn với các công nghệ số; chuẩn kỹ năng cho nhân lực công nghệ số chuyên nghiệp nhằm hình thành đội ngũ nhân lực công nghệ số đủ về chất và lượng; khuyến khích thử nghiệm các nền tảng công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số mới trong giáo dục đại học và công nhận tương đương kết quả đào tạo trên môi trường điện tử.

- Về hợp tác quốc tế trong công nghiệp công nghệ số, dự kiến bao gồm: chính sách và nội dung hợp tác quốc tế trong công nghiệp công nghệ số; phát triển mạng lưới đại diện công nghiệp công nghệ số Việt Nam ở nước ngoài. Trong đó, nổi bật là phát triển các đại diện công nghiệp công nghệ số của Việt Nam tại nước ngoài thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy, hỗ trợ bảo vệ lợi ích kinh tế, thương mại doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

- Về khu công nghệ số tập trung: kế thừa phát triển các quy định đã được thực hiện tốt về khu công nghệ thông tin tập trung tại Luật Công nghệ thông tin 2006 và Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về khu công nghệ thông tin tập trung. Đồng thời, Luật cũng hoàn thiện quy định về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ số tập trung nhằm giải quyết bất cập hiện nay về đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung.

- Về phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số, dự kiến bao gồm nội dung: phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện môi trường; phân phối sản phẩm công nghệ số đối với các sản phẩm thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu. Trong đó, Luật quy định trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động công nghiệp công nghệ số có trách nhiệm, nghĩa xác định và quản lý rủi ro, tác động xã hội và môi trường, thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trong công nghiệp công nghệ số và thực hiện nghĩa vụ thuế carbon theo quy định của pháp luật.

- Về thông tin về công nghiệp công nghệ số, dự kiến quy định về xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số. Trong đó, ngoài phục vụ chức năng quản lý nhà nước, Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số còn cho phép tổ chức, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Về Ủy ban thúc đẩy công nghiệp công nghệ số quốc gia: Công nghiệp công nghệ số có tác động đa ngành, đa lĩnh vực, đi sâu và đời sống kinh tế - xã hội. Do đó, cần có một Ủy ban quốc gia để tổ chức chỉ đạo và điều phối giải quyết

các công việc liên quan đến hợp tác, đầu tư, triển khai các dự án, chương trình thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Dự kiến Chủ tịch Ủy ban là Lãnh đạo Chính phủ, thành viên Ủy ban là Bộ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ và giao Bộ TTTT là cơ quan thường trực.

2.4. Thúc đẩy, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

Chương này quy định về hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số; cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; chính sách thúc đẩy công nghiệp bán dẫn; quản lý và phát triển trí tuệ nhân tạo.

- Về nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, tập trung vào xây dựng và phát triển các trung tâm nghiên cứu công nghệ số và hình thành Chương trình nghiên cứu, phát triển công nghệ số theo từng thời kỳ sử dụng nguồn ngân sách khoa học công nghệ.

- Về khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số, dự kiến bao gồm các quy định thúc đẩy, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số thông qua các chương trình tài trợ, vay vốn và hỗ trợ tài chính và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số. Trong đó, nổi bật là quy định về “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số được miễn thuế hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hoá nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ số”.

- Về cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số: đây là một trong những chính sách đột phá trong dự thảo Luật. Cơ chế thử nghiệm hiện chưa có tại Việt Nam tuy nhiên một số nước trên thế giới đã ban hành luật quy định về vấn đề này như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, ... Việc xây dựng quy định này nhằm đáp ứng sự phát triển, hội tụ rất nhanh của công nghệ số, tạo hành lang pháp lý để thúc đẩy phát triển và ứng dụng một số sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, đột phá có khả năng mang lại giá trị cao nhưng chưa có quy định pháp lý điều chỉnh. Dự kiến, cơ chế thử nghiệm sẽ hình thành quy trình, nguyên tắc xét duyệt hồ sơ đề nghị thử nghiệm của doanh nghiệp và quy định rõ đầu mỗi tiếp nhận xử lý hồ sơ, thẩm quyền cho phép triển khai cơ chế thử nghiệm, cụ thể:

+ Định nghĩa khái niệm cơ chế thử nghiệm: Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (sau đây gọi là cơ chế thử nghiệm) là việc cho phép thử nghiệm tạm thời có kiểm soát và được giới hạn về không gian, thời gian, phạm

vi, đối tượng thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

+ Quy định sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được xem xét áp dụng cơ chế thử nghiệm: là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có tính đổi mới sáng tạo, có khả năng mang lại hiệu quả cao, đột phá về kinh tế - xã hội hoặc tạo ra mô hình kinh doanh mới bằng cách hội tụ trong lĩnh vực công nghệ số hoặc giữa công nghệ số và các ngành lĩnh vực khác mà chưa có pháp luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể thuộc một trong hai trường hợp sau: Trường hợp các luật hoặc quy định quản lý việc cấp phép không đưa ra các tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu quản lý cho việc áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số hội tụ; Trường hợp việc áp dụng tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu quản lý trong các luật hoặc quy định quản lý việc cấp phép chưa rõ ràng hoặc chưa hợp lý.

+ Quy định về đầu mối tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị thử nghiệm: dự kiến giao các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi, lĩnh vực phụ trách là đầu mối nhận, xử lý hồ sơ đề nghị thử nghiệm; trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhưng chưa rõ đầu mối thì có thể gửi Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để giao một bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh là đầu mối xử lý; trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số gửi hồ sơ đề nghị đến nhiều bộ, ngành, địa phương thì các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh làm đầu mối xử lý.

- Về quy định phát triển công nghiệp bán dẫn: đây là một nội dung rất quan trọng trong bối cảnh công nghiệp bán dẫn trở thành ngành công nghiệp chủ chốt có vai trò ảnh hưởng đến sự phát triển về kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng của mọi quốc gia; đồng thời nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư khi rất nhiều tập đoàn toàn cầu lớn quan tâm đầu tư vào Việt Nam. Dự thảo Luật dự kiến quy định một số chính sách đặc biệt cho phát triển công nghiệp bán dẫn như: ưu đãi đầu tư đặc biệt cho các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng; có cơ chế về đối ứng đầu tư, hỗ trợ đầu tư để thu hút các dự án đầu tư lớn, có tính lan tỏa trong lĩnh vực công nghiệp vi mạch bán dẫn; có cơ chế đặc thù tuyển dụng các chuyên gia, nhân tài trong lĩnh vực bán dẫn; có cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ chiến lược phát triển bán dẫn cho doanh nghiệp công nghệ số chủ lực trong nước; có cơ chế hỗ trợ chuyển giao công nghệ, mua bán sáp nhập các công ty công nghệ trong và ngoài nước; cơ chế một cửa liên thông quốc gia;

cơ chế làn xanh cho các doanh nghiệp trong nước xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn.

- Về chính sách quản lý và thúc đẩy trí tuệ nhân tạo (AI): trong bối cảnh AI được ứng dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội thì việc quản lý nhằm hạn chế những rủi ro, đồng thời tận dụng tốt những lợi ích mà AI mang lại là vấn đề căn cơ, góp phần quan trọng tạo bước phát triển đột phá về năng lực sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững. Dự thảo dự kiến quy định: khái niệm hệ thống AI, sản phẩm tạo bởi AI, chính sách phát triển hệ thống AI; các hoạt động AI bị cấm; phân loại cấp độ rủi ro đối với hệ thống AI và biện pháp quản lý; xây dựng nguyên tắc đạo đức AI, ... trên sở tham khảo AI Act của Liên minh Châu Âu (EU). Bên cạnh đó, Luật cũng quy định dán nhãn nhận dạng đối với sản phẩm công nghệ số tạo ra bởi AI theo kinh nghiệm của Trung Quốc.

2.5. Quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số

Chương này quy định về trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số trên cơ sở kế thừa các nội dung về quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin tại Luật Công nghệ thông tin.

2.6. Điều khoản thi hành

Chương này quy định về hiệu lực và quy định chuyển tiếp, thay thế các quy định có hiện hành có liên quan tại Luật Công nghệ thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

- Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT, nay là công nghiệp công nghệ số, đã được tổ chức thực hiện chuyên nghiệp, bài bản kể từ khi Luật Công nghệ thông tin có hiệu lực từ năm 2006, các cơ quan quản lý nhà nước đều có bố trí cán bộ, kinh phí cho công tác này và đã có kinh nghiệm tổ chức thực hiện. Vì vậy, nguồn lực dự kiến cho việc thực hiện Luật Công nghiệp công nghệ số không

phát sinh lớn.

- Về nhân lực: Cơ bản không phát sinh so với hiện hành. Đối với Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật và không làm phát sinh thêm tổ chức mới mà chỉ trên cơ sở các đơn vị đã có kiện toàn lại trong nhiệm kỳ mới và đội ngũ cán bộ sẵn có để tổ chức thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật. Đối với địa phương, các Sở Thông tin và Truyền thông cũng sẽ bảo đảm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số tại địa phương, kế thừa chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT hiện tại.

- Về xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản được giao trong Luật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Về tuyên truyền, phổ biến, đào tạo nội dung của Luật: Các Bộ, ngành liên quan và các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân và tập huấn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số hiểu biết đầy đủ về các quy định của Luật để thực hiện kịp thời.

- Về triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành: Các Bộ, ngành liên quan và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện và theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

1.

Ý kiến thứ nhất cho rằng, ...

Ý kiến thứ hai cho rằng, ...

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất theo ý kiến thứ và dự thảo Luật được thể hiện theo hướng này.

2.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hồ sơ dự án Luật kèm theo gồm có:

1. *Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật*
2. *Dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số;*
3. *Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Luật;*
4. *Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;*
5. *Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan.*

...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, CNICT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng